

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 30

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	
Ông Đỗ Quốc Lâm	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61194318/17770388-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better  
working world**

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

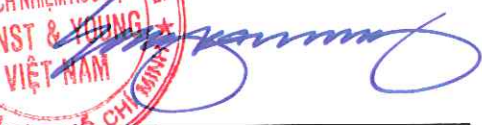
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 20 tháng 3 năm 2015.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Ernest Yoong Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>321.090.864.276</b>	<b>263.983.739.464</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>149.570.935.346</b>	<b>94.251.672.245</b>
111	1. Tiền		38.607.018.679	50.068.291.145
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.963.916.667	44.183.381.100
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>7.245.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		300.000.000	7.245.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>56.609.662.845</b>	<b>62.886.461.258</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	46.032.696.799	47.119.280.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.524.401.356	9.232.164.343
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.763.030.000	64.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.318.651.850	6.653.853.794
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(29.117.160)	(251.869.246)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	69.031.519
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>111.533.906.391</b>	<b>97.652.694.594</b>
141	1. Hàng tồn kho		112.132.018.104	97.895.964.563
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(598.111.713)	(243.269.969)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.076.359.694</b>	<b>1.947.911.367</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.061.095.860	988.471.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.629.231.163	854.152.257
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	386.032.671	105.287.904
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>119.797.197.008</b>	<b>124.681.505.006</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.308.216.016</b>	<b>6.800.426.402</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	1.093.021.000	5.597.701.402
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.215.195.016	1.202.725.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>32.257.200.063</b>	<b>34.267.302.860</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	20.251.637.571	20.961.294.504
222	Nguyên giá		47.014.230.465	47.453.544.922
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.762.592.894)	(26.492.250.418)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.005.562.492	13.306.008.356
228	Nguyên giá		12.392.472.487	13.682.473.347
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(386.909.995)	(376.464.991)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>69.444.759.762</b>	<b>67.736.283.633</b>
231	1. Nguyên giá		82.532.849.111	75.781.699.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(13.088.089.349)	(8.045.416.345)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.080.800.000</b>	<b>8.080.800.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	8.080.800.000	8.080.800.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.706.221.167</b>	<b>7.796.692.111</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.706.221.167	7.796.692.111
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>440.888.061.284</b>	<b>388.665.244.470</b>

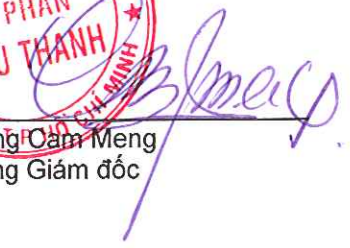
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67.888.632.725</b>	<b>53.094.314.980</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>66.553.315.288</b>	<b>52.010.543.980</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.276.431.051	25.926.786.668
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.977.126.582	2.942.145.728
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.145.042.497	9.500.748.159
314	4. Phải trả người lao động		10.967.188.943	4.436.658.804
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		804.353.204	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	699.293.216
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.718.780.288	4.840.518.682
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.335.317.437</b>	<b>1.083.771.000</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		76.708.679	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.083.771.000	1.083.771.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.3	174.837.758	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>372.999.428.559</b>	<b>335.570.929.490</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>372.999.428.559</b>	<b>335.570.929.490</b>
411	1. Vốn cổ phần	18.1	165.492.090.000	138.013.850.000
	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		165.492.090.000	138.013.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.1	2.572.620.000	2.572.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	18.1	(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	18.1	17.682.346.542	17.682.346.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	141.078.037.015	131.967.201.204
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		90.748.576.204	76.978.643.373
421b	- Lợi nhuận thuần trong năm		50.329.460.811	54.988.557.831
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		48.380.525.842	47.541.102.584
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440.888.061.284</b>	<b>388.665.244.470</b>

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc



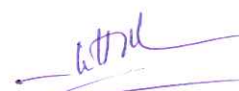
Ngày 28 tháng 3 năm 2016




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.331.109.296.590	1.142.729.686.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	3.359.849.618	627.162.956
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.327.749.446.972	1.142.102.523.912
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	1.125.141.653.829	949.300.431.576
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.607.793.143	192.802.092.336
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	7.075.270.582	4.190.017.208
22	7. Chi phí tài chính		39.323	5.841.460
25	8. Chi phí bán hàng	21	77.817.249.308	69.610.450.776
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	60.103.465.803	56.624.784.983
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.762.309.291	70.751.032.325
31	11. Thu nhập khác	23	7.529.342.834	6.870.253.542
32	12. Chi phí khác	23	750.903.394	477.698.490
40	13. Lợi nhuận khác	23	6.778.439.440	6.392.555.052
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.540.748.731	77.143.587.377
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	16.460.226.904	16.755.053.476
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.1	174.837.758	-
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		61.905.684.069	60.388.533.901
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		50.329.460.811	54.988.557.831
62	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.576.223.258	5.399.976.070
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	3.052	3.335
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	3.052	3.335

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc





Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>78.540.748.731</b>	<b>77.143.587.377</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	8.368.787.674	10.375.004.337
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		132.089.658	(673.919.984)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.410.284.453)	(5.255.377.125)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>79.631.341.610</b>	<b>81.589.294.605</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		10.239.919.213	(10.012.383.201)
10	Tăng hàng tồn kho		(17.877.565.995)	(33.571.854.015)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		16.051.830.824	(6.502.036.983)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		17.846.290	(84.849.898)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(18.000.068.791)	(16.560.652.983)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>70.063.303.151</b>	<b>14.857.517.525</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(6.707.093.216)	(7.036.304.164)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.652.481.818	25.470.683.471
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(10.387.000.000)	(6.900.000.000)
24	Tiền hồi khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn		17.332.000.000	-
27	Cổ tức và lãi tiền gửi được nhận		6.735.265.298	3.894.777.208
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>9.625.653.900</b>	<b>15.429.156.515</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	8.800.000.000
36	Cổ tức đã trả	18.2	(24.369.693.950)	(28.556.907.900)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(24.369.693.950)</b>	<b>(19.756.907.900)</b>
50	<b>Tăng thuần tiền và tương đương tiền trong năm</b>		<b>55.319.263.101</b>	<b>10.529.766.140</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>94.251.672.245</b>	<b>83.721.906.105</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>149.570.935.346</b>	<b>94.251.672.245</b>

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Trương Cẩm Mộng  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Siêu Thanh và các công ty con như sau:

**Công ty**

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 725 (31 tháng 12 năm 2014: 710).

**Các công ty con**

**Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh**

Công ty nắm giữ 90,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh ("TBVP Siêu Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

**Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh**

Công ty nắm giữ 55,06% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh ("Ô tô Kim Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

**Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh**

Công ty nắm giữ 58,23% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh ("Ô tô Cường Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến:

##### 3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã đề cập tại Thuyết minh số 29.

##### 3.1.2 *Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, thay thế Phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa – Ô tô nguyên chiếc - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa – Thiết bị văn phòng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Các tài sản khác	3 - 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	291.749.975	285.512.143
Tiền gửi ngân hàng	38.315.268.704	49.782.779.002
Các khoản tương đương tiền	110.963.916.667	44.183.381.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>149.570.935.346</b>	<b>94.251.672.245</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 6,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên không phải bên liên quan	46.032.696.799	47.119.280.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.117.160)	(251.869.246)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>46.003.579.639</u></b>	<b><u>46.867.411.602</u></b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Số dư thể hiện khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn không lãi suất đối với các nhân viên của Nhóm Công ty.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	4.518.068.230	4.040.454.546
Tạm ứng cho nhân viên	1.019.866.346	2.100.690.955
Ký quỹ, ký cược	451.308.293	380.395.922
Khác	329.408.981	132.312.371
	<b><u>6.318.651.850</u></b>	<b><u>6.653.853.794</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	1.145.125.000	1.202.725.000
Khác	70.070.016	-
	<b><u>1.215.195.016</u></b>	<b><u>1.202.725.000</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.533.846.866</u></b>	<b><u>7.856.578.794</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	112.050.722.364	97.827.978.335
Công cụ và dụng cụ	81.295.740	67.986.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>112.132.018.104</u></b>	<b><u>97.895.964.563</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(598.111.713)	(243.269.969)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>111.533.906.391</u></b>	<b><u>97.652.694.594</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	243.269.969	2.514.192.086
Trích lập dự phòng trong năm	354.841.744	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.270.922.117)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>598.111.713</u></b>	<b><u>243.269.969</u></b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ và dụng cụ	<u>1.061.095.860</u>	<u>988.471.206</u>
Dài hạn		
Công cụ và dụng cụ	4.098.004.610	4.393.772.020
Tiền thuê đất	2.905.758.384	3.181.565.091
Khác	<u>702.458.173</u>	<u>221.355.000</u>
	<u>7.706.221.167</u>	<u>7.796.692.111</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.767.317.027</u></b>	<b><u>8.785.163.317</u></b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	286.703.504	5.958.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	<u>99.329.167</u>	<u>99.329.167</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>386.032.671</u></b>	<b><u>105.287.904</u></b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	9.361.117.493	18.749.533.350	11.827.260.946	3.973.859.083	3.541.774.050	47.453.544.922
Tăng trong năm	-	219.445.455	5.998.633.306	-	489.014.455	6.707.093.216
Chuyển từ hàng tồn kho	-	4.669.590.626	-	-	-	4.669.590.626
Thanh lý	-	-	(4.848.279.286)	(120.258.156)	-	(4.968.537.442)
Chuyển qua hàng tồn kho	-	(1.386.312.584)	-	-	-	(1.386.312.584)
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(5.461.148.273)	-	-	-	-	(5.461.148.273)
Số cuối năm	3.899.969.220	22.252.256.847	12.977.614.966	3.853.600.927	4.030.788.505	47.014.230.465
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	158.931.818	4.711.830.855	850.800.000	3.915.684.225	3.483.410.050	13.120.656.948
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	3.826.166.693	11.996.352.045	3.417.474.462	3.813.126.869	3.439.130.349	26.492.250.418
Khấu hao trong năm	246.124.969	3.340.315.166	2.343.043.008	157.031.363	143.764.160	6.230.278.666
Thanh lý	-	-	(2.570.535.473)	(116.557.305)	-	(2.687.092.778)
Chuyển qua hàng tồn kho	-	(358.234.412)	-	-	-	(358.234.412)
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(2.914.609.000)	-	-	-	-	(2.914.609.000)
Số cuối năm	1.157.682.662	14.978.432.799	3.189.981.997	3.853.600.927	3.582.894.509	26.762.592.894
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	5.534.950.800	6.753.181.305	8.409.786.484	160.732.214	102.643.701	20.961.294.504
Số cuối năm	2.742.286.558	7.273.824.048	9.787.632.969	-	447.893.996	20.251.637.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	13.290.340.860	233.622.487	158.510.000	13.682.473.347
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(1.290.000.860)	-	-	(1.290.000.860)
Số cuối năm	<u>12.000.340.000</u>	<u>233.622.487</u>	<u>158.510.000</u>	<u>12.392.472.487</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	228.987.487	158.510.000	387.497.487
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	217.954.991	158.510.000	376.464.991
Hao mòn trong năm	-	10.445.004	-	10.445.004
Số cuối năm	-	<u>228.399.995</u>	<u>158.510.000</u>	<u>386.909.995</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>13.290.340.860</u>	<u>15.667.496</u>	-	<u>13.306.008.356</u>
Số cuối năm	<u>12.000.340.000</u>	<u>5.222.492</u>	-	<u>12.005.562.492</u>

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	26.320.699.978	49.461.000.000	75.781.699.978
Chuyển từ tài sản cố định	5.461.148.273	1.290.000.860	6.751.149.133
Số cuối năm	<u>31.781.848.251</u>	<u>50.751.000.860</u>	<u>82.532.849.111</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	4.819.708.345	3.225.708.000	8.045.416.345
Hao mòn trong năm	1.052.828.004	1.075.236.000	2.128.064.004
Chuyển từ tài sản cố định	2.914.609.000	-	2.914.609.000
Số cuối năm	<u>8.787.145.349</u>	<u>4.300.944.000</u>	<u>13.088.089.349</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>21.500.991.633</u>	<u>46.235.292.000</u>	<u>67.736.283.633</u>
Số cuối năm	<u>22.994.702.902</u>	<u>46.450.056.860</u>	<u>69.444.759.762</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 19.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.080.800.000</b>		<b>8.080.800.000</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	29.335.452.366	22.511.633.342
Khác	5.940.978.685	3.415.153.326
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.276.431.051</b>	<b>25.926.786.668</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	6.171.517.370	16.460.226.904	(18.000.068.791)	4.631.675.483
Thuế giá trị gia tăng	2.841.962.069	18.251.530.356	(19.420.059.323)	1.673.433.102
Thuế thu nhập cá nhân	387.939.553	4.638.639.528	(4.572.677.840)	453.901.241
Thuế khác	(5.958.737)	27.760.764	(21.802.027)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.395.460.255</b>	<b>39.378.157.552</b>	<b>(42.014.607.981)</b>	<b>6.759.009.826</b>
Trong đó:				
Thuế nộp thừa (Thuyết minh số 10)	(105.287.904)			(386.032.671)
Thuế phải nộp	9.500.748.159			7.145.042.497

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	2.566.183.665	2.039.646.411
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	133.868.105	115.693.421
Cổ tức phải trả	52.316.825	24.025.775
Phải trả khác	1.966.411.693	2.661.153.075
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.718.780.288</b>	<b>4.840.518.682</b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>							
Số đầu năm	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	116.948.033.373	259.273.177.075
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.488.620.000	-	-	-	-	(12.488.620.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	54.988.557.831	54.988.557.831
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(26.231.908.000)	(26.231.908.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	1.248.862.000	(1.248.862.000)	-
Số cuối năm	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	131.967.201.204	288.029.826.906
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>							
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	131.967.201.204	288.029.826.906
Trình bày lại (Thuyết minh số 29)	-	-	-	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-	-
Số đầu năm (được trình bày lại)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	131.967.201.204	288.029.826.906
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	27.478.240.000	-	-	-	-	(27.478.240.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	50.329.460.811	50.329.460.811
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(13.740.385.000)	(13.740.385.000)
Số cuối năm	165.492.090.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	141.078.037.015	324.618.902.717



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	138.013.850.000	125.525.230.000
Tăng trong năm	27.478.240.000	12.488.620.000
Số cuối năm	<u>165.492.090.000</u>	<u>138.013.850.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	51.955.425.000	41.048.528.000
Cổ tức đã trả	24.369.693.950	28.556.907.900
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	27.478.240.000	12.488.620.000

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Nhóm Công ty đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng 20% mệnh giá thông qua việc phát hành cổ phiếu và niêm yết số cổ phiếu chia cổ tức này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để tăng vốn điều lệ của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trên vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, và được chấp thuận thông qua Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2015.

**18.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	16.549.209	13.801.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	16.549.209	13.801.385
Cổ phiếu quỹ	(61.000)	(61.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.488.209	13.740.385

**18.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ (VND)	50.329.460.811	54.988.557.831
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.488.209	13.740.385
Điều chỉnh hồi tố cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và tặng vốn	-	2.747.824
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh</b>	<u>16.488.209</u>	<u>16.488.209</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.052	3.335
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	3.052	3.335

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.331.109.296.590</b>	<b>1.142.729.686.868</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.261.968.409.867	1.083.476.713.562
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	66.232.727.177	56.890.181.162
<i>Doanh thu hoạt động cho thuê</i>	2.908.159.546	2.362.792.144
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(3.359.849.618)</b>	<b>(627.162.956)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(3.143.737.833)	(481.674.949)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(216.111.785)	(145.488.007)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>1.327.749.446.972</u></b>	<b><u>1.142.102.523.912</u></b>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	5.200.127.299	4.002.874.784
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	1.839.120.000	180.000.000
Khác	36.023.283	7.142.424
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.075.270.582</u></b>	<b><u>4.190.017.208</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.097.606.905.036	928.320.969.217
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.635.134.133	18.851.398.355
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.899.614.660	2.128.064.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.125.141.653.829</u></b>	<b><u>949.300.431.576</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	63.276.829.554	54.013.915.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.559.861.909	8.536.694.658
Chi phí khác	6.980.557.845	7.059.840.858
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.817.249.308</u></b>	<b><u>69.610.450.776</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	29.677.217.682	25.652.963.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.254.010.094	14.033.564.613
Chi phí khác	11.172.238.027	16.938.256.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.103.465.803</u></b>	<b><u>56.624.784.983</u></b>

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.529.342.834</b>	<b>6.870.253.542</b>
Tiền thưởng và hỗ trợ	6.614.223.433	5.451.060.617
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	371.037.154	1.360.599.917
Thu nhập khác	544.082.247	58.593.008
<b>Chi phí khác</b>	<b>(750.903.394)</b>	<b>(477.698.490)</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>6.778.439.440</u></b>	<b><u>6.392.555.052</u></b>

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.120.164.786.869	943.533.149.879
Chi phí lương	90.680.808.717	78.027.298.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.726.648.478	28.535.010.379
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12, 13)	8.368.787.674	10.375.004.337
Chi phí khác	11.121.337.202	15.065.203.859
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.263.062.368.940</u></b>	<b><u>1.075.535.667.335</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.460.226.904	16.755.053.476
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	174.837.758	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.635.064.662</u></b>	<b><u>16.755.053.476</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>78.540.748.731</b>	<b>77.143.587.377</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	968.672.433	564.748.510
Cổ tức nhận được	(1.839.120.000)	(180.000.000)
Các khoản điều chỉnh khác	(63.083.343)	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư ở công ty con	3.886.142.670	1.908.223.785
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>81.493.360.491</b>	<b>79.436.559.672</b>
Lỗ từ công ty con năm trước chuyển sang	(6.674.147.290)	(3.277.225.692)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>74.819.213.201</b>	<b>76.159.333.980</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>16.460.226.904</b>	<b>16.755.053.476</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.171.517.370	5.977.116.877
Thuế TNDN đã trả trong năm	(18.000.068.791)	(16.560.652.983)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>4.631.675.483</b>	<b>6.171.517.370</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp	4.731.004.650	6.270.846.537
Thuế TNDN nộp thừa	(99.329.167)	(99.329.167)

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty ghi nhận thuế TNDN hoãn lại như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ở công ty con	(174.837.758)	-	(174.837.758)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, phải thu từ cho vay các thành viên quản lý chủ chốt là 2.058.860.000 VND (31 tháng 12 năm 2014: 3.739.970.000 VND).

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>6.399.427.215</u>	<u>7.157.885.134</u>

**27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	14.448.571.572	9.167.480.667
Từ 1 đến 5 năm	32.770.831.771	24.773.740.864
Trên 5 năm	<u>9.773.506.800</u>	<u>14.660.260.200</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.992.910.143</u></b>	<b><u>48.601.481.731</u></b>

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

				VND
	Thiết bị văn phòng	Ô tô	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	279.391.911.930	1.051.717.384.660		1.331.109.296.590
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.359.849.618)	-		(3.359.849.618)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	7.708.119.374	1.136.619.166	(8.844.738.540)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>283.740.181.686</b>	<b>1.052.854.003.826</b>	<b>(8.844.738.540)</b>	<b>1.327.749.446.972</b>
Chi phí bộ phận	(232.833.596.388)	(1.039.073.511.092)	8.844.738.540	(1.263.062.368.940)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>50.906.585.298</b>	<b>13.780.492.734</b>	<b>-</b>	<b>64.687.078.032</b>
Thu nhập tài chính				7.075.231.259
Lợi nhuận khác				6.778.439.440
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(16.635.064.662)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>61.905.684.069</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>466.424.976.061</b>	<b>126.400.896.433</b>	<b>(151.937.811.210)</b>	<b>440.888.061.284</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>53.746.943.910</b>	<b>36.529.934.400</b>	<b>(22.388.245.585)</b>	<b>67.888.632.725</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	251.399.377.997	891.330.308.871	-	1.142.729.686.868
Các khoản giảm trừ doanh thu	(627.162.956)	-	-	(627.162.956)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	14.549.421.498	1.256.120.977	(15.805.542.475)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>265.321.636.539</b>	<b>892.586.429.848</b>	<b>(15.805.542.475)</b>	<b>1.142.102.523.912</b>
Chi phí bộ phận	(207.431.558.777)	(883.909.651.033)	15.805.542.475	(1.075.535.667.335)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>57.890.077.762</b>	<b>8.676.778.815</b>	<b>-</b>	<b>66.566.856.577</b>
Thu nhập tài chính				4.184.175.748
Lợi nhuận khác				6.392.555.052
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(16.755.053.476)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>60.388.533.901</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>302.324.059.904</b>	<b>102.070.581.001</b>	<b>(15.729.396.435)</b>	<b>388.665.244.470</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>55.044.545.018</b>	<b>13.779.166.397</b>	<b>(15.729.396.435)</b>	<b>53.094.314.980</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một vài dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>VND</i>		
	<i>31 tháng 12 năm 2014 (trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của trình bày lại</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Các khoản tương đương tiền	51.083.381.100	(6.900.000.000)	44.183.381.100
Các khoản đầu tư ngắn hạn	345.000.000	(345.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	7.245.000.000	7.245.000.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	64.000.000	64.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.172.766.917	2.481.086.877	6.653.853.794
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	69.031.519	69.031.519
Các tài sản ngắn hạn khác	2.614.118.396	(2.614.118.396)	-
Phải thu từ cho vay dài hạn	-	5.597.701.402	5.597.701.402
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.597.701.402	(4.394.976.402)	1.202.725.000
Các tài sản dài hạn khác	1.202.725.000	(1.202.725.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
Quỹ dự phòng tài chính	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm trước (trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của trình bày lại</i>	<i>Năm trước (được trình bày lại)</i>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ cung cấp	(938.964.779.114)	(10.335.652.462)	(949.300.431.576)
Chi phí bán hàng	(79.946.103.238)	10.335.652.462	(69.610.450.776)
Thu nhập khác	11.711.382.996	(4.841.129.454)	6.870.253.542
Chi phí khác	(5.318.827.944)	4.841.129.454	(477.698.490)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Thay đổi khoản phải thu	(10.246.211.509)	233.828.308	(10.012.383.201)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.224.712.143	(7.224.712.143)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.990.883.835)	6.990.883.835	-
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016